TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2022
"V/v Ly hôn và yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm.

Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** Ông võ Hoàng Hạt– Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021, về việc "*Xin ly hôn và xin nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Út T, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Danh Mai K, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Út T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Út T và anh Danh Mai K quen biết tự nguyện tìm hiểu và quyết định kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới vào năm 2014, nhưng đến ngày 03/4/2015 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn, chị T và anh K sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm về tiền bạc, nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, hiện nay anh K đã bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, chị T xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân lại được vì chị và anh K không còn quan tâm chăm sóc với nhau nữa, chị không còn tình cảm với anh K nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh K có một người con chung là Danh Chí Kh, sinh ngày 02/5/2016, cháu Kh do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có và không có yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Danh Mai K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh K không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh K.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Thị Út T được ly hôn với anh Danh Mai K;

Về con chung, giao cháu Danh Chí Kh, sinh ngày 02/5/2016 cho Chị Thị Út T chăm nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đề nghị.

Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh Mai K có hộ khẩu thường trú tại ấp An Lợi, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, chị Thị Út T yêu cầu được ly hôn với anh Danh Mai K và xin nuôi con. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ "*Ly hôn và yêu cầu nuôi* con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn anh Danh Mai K Tòa án đã thực hiện tống đạt, niêm yết hợp lệ, nhưng anh K vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K chung sống với nhau từ năm 2014, việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý, đến năm 2015 thực hiện đăng ký kết hôn theo giấy trích lục kết hôn số 1885 ngày 26/11/2019 của ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Thị Út T xin được ly hôn với anh Danh Mai K với lý do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên xãy ra mâu thuẫn về tiền bạc, hay cãi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án đối với bị đơn là anh K Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh K không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ, qua lời trình bày tại phiên tòa và các lời khai của chị T có trong hồ sơ thể hiện: Vợ chồng anh chị không còn liên lạc và cũng không gặp nhau từ năm 2016 đến nay nay, chị T không còn yêu thương quan tâm đến anh K nữa, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2016 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, chị T không còn tình cảm với anh K nên chị T kiên quyết ly hôn với anh K. Như vậy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, sự mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 xử cho chị Thị Út T được ly hôn với anh Danh Mai K là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Thị Út T xác định chị và anh Danh Mai K có một con chung là cháu Danh Chí Kh, sinh ngày 02/5/2016, cháu Kh đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Đối với anh K, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh K đều không có mặt cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị T Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 BLTTDS năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét nguyện vọng của anh K.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, HĐXX xét thấy chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, cháu Kh vẫn phát triển bình thường về mọi mặt. Do đó để bảo đảm sự phát triển của con chung, cần giao cháu Kh cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000đ buộc chị Thị Út T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Thị Út T về việc xin ly hôn với anh Danh Mai K.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thị Út T ly hôn với anh Danh Mai K.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Chí Kh, sinh ngày 02/5/2016 cho chị Thị Út T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Út T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006564, ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Định An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh